

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

DANH SÁCH ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2 - Năm Học 25-26

Môn học/Nhóm
CBGD

Bóng đá - 07
Lương Anh Kiệt

Số tín chỉ: 02

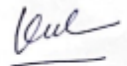
ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
1	2125140005	Nguyễn Tổng Gia	Bảo	13/06/2005	CCQ2514A	1	5	7		5	
2	2125140014	Phạm Gia	Bảo	24/01/2007	CCQ2514A	0	0	0		0	
3	2125140120	Phạm Thanh	Bình	30/11/2007	CCQ2514B	1	7.5	7.5		5.9	
4	2125140070	Y Huy	Bkrông	14/06/2007	CCQ2514B	5	8	8.5		7.5	
5	2125140046	Đặng Thanh	Chiên	03/12/2007	CCQ2514B	9	8	9		8.8	
6	2125140031	Trần Nhật	Chương	26/11/2007	CCQ2514A	0	0	0		0	
7	2125140060	Võ Văn	Có	25/09/2006	CCQ2514B	8	7.5	7.5		7.6	
8	2125140119	Huỳnh Thái	Đăng	21/08/2007	CCQ2514B	0	0	0		0	
9	2125140065	Nguyễn Hải	Đăng	22/02/2007	CCQ2514B	6	8	8.5		7.8	
10	2125140002	Phạm Đức	Duẩn	05/02/2006	CCQ2514A	0	0	0		0	
11	2125140040	Lê Văn	Đức	20/11/2004	CCQ2514B	0	0	0		0	
12	2125140007	Vũ Ngọc Hà Anh	Đức	03/10/2007	CCQ2514A	0	0	0		0	
13	2125140048	Hoàng Nam	Dương	22/10/2007	CCQ2514B	0	0	0		0	
14	2125140068	Tạ Ngọc	Duy	10/06/2007	CCQ2514B	6	6	6		6	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
15	2125140038	Dương Hoài	Giang	13/12/2007	CCQ2514B	0	6	7		5	
16	2125140069	Nguyễn Thái	Hàn	10/02/2007	CCQ2514B	0	0	0		0	
17	2125140010	Trần Trung	Hậu	18/03/2007	CCQ2514A	7	5	7.5		6.8	
18	2125140062	Đặng Mậu Quốc	Hiệu	15/06/2007	CCQ2514B	0	0	0		0	
19	2125140122	Võ Đức	Hòa	07/03/2007	CCQ2514B	10	5	7.5		7.5	
20	2125140034	Huỳnh Văn	Hoan	20/10/2007	CCQ2514A	7	7	7.5		7.3	
21	2125140059	Mai Phước	Hưởng	12/09/2007	CCQ2514B	8	7.5	7.5		7.6	
22	2125140019	Lê Hữu	Huy	18/11/2007	CCQ2514A	1	8	8		6.3	
23	2125140118	Nguyễn Thanh	Huy	24/05/2007	CCQ2514B	10	7	8		8.3	
24	2125140032	Nguyễn Minh	Kha	31/05/2007	CCQ2514A	7	7	7.5		7.3	
25	2125140052	Mai Văn	Khải	17/07/2007	CCQ2514B	0	0	0		0	
26	2125140039	Nguyễn Trường	Khang	01/08/2006	CCQ2514B	8	7	8.5		8	
27	2125140113	Nguyễn Đoàn Anh	Khoa	26/12/2007	CCQ2514A	4	7	7.5		6.5	
28	2125140117	Lê Minh	Khôi	16/12/2007	CCQ2514A	0	8	8		6	
29	2125140035	Phan Tấn Quốc	Khôi	05/08/2007	CCQ2514A	3	5	7		5.5	
30	2125140011	Nguyễn Trung	Kiên	02/01/2007	CCQ2514A	5	6	7.5		6.5	
31	2125140022	Nguyễn Trung	Kiên	25/08/2007	CCQ2514A	8	7.5	8		7.9	
32	2125140029	Võ Trung	Kiên	21/05/2007	CCQ2514A	2	7.5	8		6.4	
33	2125140116	Nguyễn Thành	Lâm	10/11/2007	CCQ2514A	5	8	8		7.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
34	2125140027	Nguyễn Thành Lễ	26/10/2007	CCQ2514A	10	7	7.5		8	
35	2125140009	Dương Thành Lợi	07/07/2007	CCQ2514A	6	7.5	8.5		7.6	
36	2125140054	Nguyễn Thành Long	25/08/2007	CCQ2514B	0	0	0		0	
37	2125140253	Trịnh Thanh Long	02/07/2007	CCQ2514A	0	0	0		0	
38	2125140021	Nguyễn Viết Trường Minh	11/05/2007	CCQ2514A	5	7	7		6.5	
39	2125140017	Bùi Hoài Nam	23/11/2007	CCQ2514A	0	7	7		5.3	
40	2125140033	Nguyễn Duy Nghĩa	27/10/2007	CCQ2514A	0	0	0		0	
41	2125140015	Nguyễn Văn Thanh Nhân	04/10/2007	CCQ2514A	6	7	8.5		7.5	
42	2125140016	Phạm Xuân Nhật	12/09/2006	CCQ2514A	0	0	0		0	
43	2125140001	Đoàn Vĩnh Phúc	12/09/2007	CCQ2514A	0	7.5	8.5		6.1	
44	2125140124	Trần Hoàng Phúc	31/10/2007	CCQ2514B	8	8	8.5		8.3	
45	2125140121	Cao Minh Quân	17/06/2007	CCQ2514B	2	7	7.5		6	
46	2125140026	Nguyễn Minh Quân	20/04/2007	CCQ2514A	9	8.5	8		8.4	
47	2125140064	Trần Minh Tài	19/08/2006	CCQ2514A	0	0	0		0	
48	2125140028	Thi Tất Thiên	23/11/2007	CCQ2514A	2	7	8.5		6.5	
49	2125140101	Phan Lê Anh Thịnh	16/03/2007	CCQ2514B	0	7	7		5.3	
50	2125140071	Nguyễn Văn Thuận	25/04/2007	CCQ2514B	8	7	7.5		7.5	
51	2125140063	Phạm Trung Tín	02/12/2006	CCQ2514B	0	7	7.5		5.5	
52	2125140023	Phạm Trầm	25/12/2006	CCQ2514A	0	0	0		0	

ST T	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
53	2125140115	Đặng Ngọc Trọng	19/05/2007	CCQ2514A	2	7	7.5		6	
54	2125140053	Nguyễn Tấn Trương	02/11/2007	CCQ2514B	7	7	7.5		7.3	
55	2125140008	Phan Phạm Ngọc Tú	13/08/2007	CCQ2514A	0	0	0		0	
56	2125140049	Lê Tấn Tuấn	14/05/2007	CCQ2514B	2	7	7.5		6	
57	2125140050	Nguyễn Đình Tuấn	24/06/2005	CCQ2514B	0	0	0		0	
58	2125140036	Lê Trần Việt	09/12/2007	CCQ2514B	8	7	7		7.3	

TPHCM, ngày 21 tháng 6 năm 2026


Lương Anh Kiệt

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 25-26

Môn học
CBGD

Bóng đá
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 07

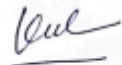
Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401807	1	2125140005	Nguyễn Tổng Gia	Bảo	13/06/2005	CCQ2514A	5	0	2	
23401807	2	2125140014	Phạm Gia	Bảo	24/01/2007	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	3	2125140120	Phạm Thanh	Bình	30/11/2007	CCQ2514B	5.9	7	6.6	
23401807	4	2125140070	Y Huy	Bkrông	14/06/2007	CCQ2514B	7.5	6	6.6	
23401807	5	2125140046	Đặng Thanh	Chiên	03/12/2007	CCQ2514B	8.8	4	5.9	
23401807	6	2125140031	Trần Nhật	Chương	26/11/2007	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	7	2125140060	Võ Văn	Có	25/09/2006	CCQ2514B	7.6	7	7.2	
23401807	8	2125140119	Huỳnh Thái	Đặng	21/08/2007	CCQ2514B	0	0	0	
23401807	9	2125140065	Nguyễn Hải	Đặng	22/02/2007	CCQ2514B	7.8	5	6.1	
23401807	10	2125140002	Phạm Đức	Duẩn	05/02/2006	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	11	2125140040	Lê Văn	Đức	20/11/2004	CCQ2514B	0	0	0	
23401807	12	2125140007	Vũ Ngọc Hà Anh	Đức	03/10/2007	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	13	2125140048	Hoàng Nam	Dương	22/10/2007	CCQ2514B	0	0	0	
23401807	14	2125140068	Tạ Ngọc	Duy	10/06/2007	CCQ2514B	6	0	2.4	
23401807	15	2125140038	Dương Hoài	Giang	13/12/2007	CCQ2514B	5	2	3.2	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401807	16	2125140069	Nguyễn Thái	Hàn	10/02/2007	CCQ2514B	0	0	0	
23401807	17	2125140010	Trần Trung	Hậu	18/03/2007	CCQ2514A	6.8	4	5.1	
23401807	18	2125140062	Đặng Mậu Quốc	Hiệu	15/06/2007	CCQ2514B	0	0	0	
23401807	19	2125140122	Võ Đức	Hòa	07/03/2007	CCQ2514B	7.5	6	6.6	
23401807	20	2125140034	Huỳnh Văn	Hoan	20/10/2007	CCQ2514A	7.3	6	6.5	
23401807	21	2125140059	Mai Phước	Hưởng	12/09/2007	CCQ2514B	7.6	5	6	
23401807	22	2125140019	Lê Hữu	Huy	18/11/2007	CCQ2514A	6.3	6	6.1	
23401807	23	2125140118	Nguyễn Thanh	Huy	24/05/2007	CCQ2514B	8.3	4	5.7	
23401807	24	2125140032	Nguyễn Minh	Kha	31/05/2007	CCQ2514A	7.3	6	6.5	
23401807	25	2125140052	Mai Văn	Khải	17/07/2007	CCQ2514B	0	0	0	
23401807	26	2125140039	Nguyễn Trường	Khang	01/08/2006	CCQ2514B	8	9	8.6	
23401807	27	2125140113	Nguyễn Đoàn Anh	Khoa	26/12/2007	CCQ2514A	6.5	4	5	
23401807	28	2125140117	Lê Minh	Khôi	16/12/2007	CCQ2514A	6	4	4.8	
23401807	29	2125140035	Phan Tấn Quốc	Khôi	05/08/2007	CCQ2514A	5.5	0	2.2	
23401807	30	2125140011	Nguyễn Trung	Kiên	02/01/2007	CCQ2514A	6.5	5	5.6	
23401807	31	2125140022	Nguyễn Trung	Kiên	25/08/2007	CCQ2514A	7.9	8	8	
23401807	32	2125140029	Võ Trung	Kiên	21/05/2007	CCQ2514A	6.4	5	5.6	
23401807	33	2125140116	Nguyễn Thành	Lâm	10/11/2007	CCQ2514A	7.3	6	6.5	
23401807	34	2125140027	Nguyễn Thành	Lễ	26/10/2007	CCQ2514A	8	5	6.2	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401807	35	2125140009	Dương Thành	Lợi	07/07/2007	CCQ2514A	7.6	4	5.4	
23401807	36	2125140054	Nguyễn Thành	Long	25/08/2007	CCQ2514B	0	0	0	
23401807	37	2125140253	Trịnh Thanh	Long	02/07/2007	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	38	2125140021	Nguyễn Viết Trường	Minh	11/05/2007	CCQ2514A	6.5	1	3.2	
23401807	39	2125140017	Bùi Hoài	Nam	23/11/2007	CCQ2514A	5.3	3	3.9	
23401807	40	2125140033	Nguyễn Duy	Nghĩa	27/10/2007	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	41	2125140015	Nguyễn Văn Thanh	Nhàn	04/10/2007	CCQ2514A	7.5	7	7.2	
23401807	42	2125140016	Phạm Xuân	Nhật	12/09/2006	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	43	2125140001	Đoàn Vĩnh	Phúc	12/09/2007	CCQ2514A	6.1	2	3.6	
23401807	44	2125140124	Trần Hoàng	Phúc	31/10/2007	CCQ2514B	8.3	3	5.1	
23401807	45	2125140121	Cao Minh	Quân	17/06/2007	CCQ2514B	6	1	3	
23401807	46	2125140026	Nguyễn Minh	Quân	20/04/2007	CCQ2514A	8.4	7	7.6	
23401807	47	2125140064	Trần Minh	Tài	19/08/2006	CCQ2514A	0			
23401807	48	2125140028	Thi Tất	Thiên	23/11/2007	CCQ2514A	6.5	10	8.6	
23401807	49	2125140101	Phan Lê Anh	Thịnh	16/03/2007	CCQ2514B	5.3	3	3.9	
23401807	50	2125140071	Nguyễn Văn	Thuận	25/04/2007	CCQ2514B	7.5	4	5.4	
23401807	51	2125140063	Phạm Trung	Tín	02/12/2006	CCQ2514B	5.5	1	2.8	
23401807	52	2125140023	Phạm	Trầm	25/12/2006	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	53	2125140115	Đặng Ngọc	Trọng	19/05/2007	CCQ2514A	6	2	3.6	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401807	54	2125140053	Nguyễn Tấn	Trương	02/11/2007	CCQ2514B	7.3	5	5.9	
23401807	55	2125140008	Phan Phạm Ngọc	Tú	13/08/2007	CCQ2514A	0	0	0	
23401807	56	2125140049	Lê Tấn	Tuấn	14/05/2007	CCQ2514B	6	4	4.8	
23401807	57	2125140050	Nguyễn Đình	Tuấn	24/06/2005	CCQ2514B	0	0	0	
23401807	58	2125140036	Lê Trần	Việt	09/12/2007	CCQ2514B	7.3	4	5.3	

TPHCM, ngày 10 tháng 07 năm 2026


Lương Anh Kiệt